TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST
Ngày 08-01-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Bích Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Phương

Bà Phạm Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2020/TLST-KDTM ngày 07 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: Số 77 T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Hồng Q; cư trú tại: Số 355C, lô 22, đường L, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 8 năm 2017). Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trần Ngọc D và bà Lưu Thị Thanh L; cùng cư trú tại: Tổ dân phố số 15, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Ông D và bà L đều vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Ngọc K.

2. Bà Lê Thị Thu H.

Cùng cư trú tại: Tổ dân phố số 15, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

Ông K và bà H đều vắng mặt.

3. Ông Đỗ Văn L.

4. Bà Lê Thị Thu D.

Cùng cư trú tại: Tổ dân phố số 8, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

Ông L có mặt, bà D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Năm 2014 và năm 2015, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là S) - Chi nhánh L và ông Trần Ngọc D, bà Lưu Thị Thanh L (ông Trần Ngọc D có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể) ký các hợp đồng tín dụng với nội dung:

1. Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 81/2014/HĐTDTDH-CN/S.112400 ngày 27 tháng 6 năm 2014:

- Số tiền vay: 700.000.000 đồng.

- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng.

- Lãi suất vay trong hạn: 12,2%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân.

- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại kỳ tính lãi gần nhất so với thời điểm quá hạn.

2. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 02/2015/HĐTDNH-CN/S.112400 ngày 08 tháng 01 năm 2015:

- Số tiền vay: 1.200.000.000 đồng.

- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng.

- Lãi suất vay trong hạn: 10,7%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân.

- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại kỳ tính lãi gần nhất so với thời điểm quá hạn.

3. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 103/2015/HĐTDNH-CN/S.112400 ngày 25 tháng 6 năm 2015:

- Số tiền vay: 800.000.000 đồng.

- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng.

- Lãi suất vay trong hạn: 10,7%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân.

- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại kỳ tính lãi gần nhất so với thời điểm quá hạn.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, người vay và bên thứ ba đã thế chấp các tài sản, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa số 59, tờ bản đồ số 05 (khu tái định cư N), tổ dân phố số 8, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 165274, vào sổ số CH01639 do Ủy ban nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng cấp ngày 24 tháng 02 năm 2011 cho ông Đỗ Văn L và bà Lê Thị Thu D.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa số 357a, tờ bản đồ số 02, tổ dân phố số 15, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 241043, vào sổ số CH02919 do Ủy ban nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng cấp ngày 01 tháng 12 năm 2011 cho ông Trần Ngọc D và bà Lưu Thị Thanh L.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa số 644 (tách ra từ thửa 357b), tờ bản đồ số 02, tổ dân phố số 15, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 285500, vào sổ số CH05544 do Ủy ban nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng cấp ngày 27 tháng 6 năm 2014 cho ông Trần Ngọc K và bà Lê Thị Thu H.

Việc thế chấp các tài sản trên được lập thành văn bản, được công chứng, chứng thực tại Văn phòng Công chứng G, thành phố Hải Phòng và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng Tài nguyên và Môi trường quận H, thành phố Hải Phòng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông D và bà L đã thanh toán cho S số tiền nợ gốc là 171.000.000 đồng và số tiền nợ lãi là 189.098.263 đồng, tổng cộng 360.098.263 đồng. Tính đến ngày xét xử, ông D và bà L còn nợ S tổng số tiền là 4.767.240.559 đồng, trong đó:

- Số tiền nợ gốc: 2.529.000.000 đồng.

- Số tiền lãi trong hạn: 279.968.937 đồng.

- Số tiền lãi quá hạn: 1.958.271.622 đồng.

Do ông D và bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ; vì vậy S khởi kiện yêu cầu ông D và bà L phải thanh toán toàn bộ số tiền trên và số tiền lãi phát sinh kể sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp ông D và bà L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên, S có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Ngọc D và bà Lưu Thị Thanh L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Ngọc K và bà Lê Thị Thu H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án và không có lời khai.

Tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Văn L và bà Lê Thị Thu D thống nhất trình bày:

Ông Đỗ Văn L, bà Lê Thị Thu D và ông Trần Ngọc D, bà Lưu Thị Thanh L có quan hệ là anh em trong gia đình (ông D nhận mẹ đẻ của ông L là mẹ nuôi).

Năm 2014, khi ông D và bà L cần tiền để kinh doanh, ông L và bà D đã đồng ý dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (bao gồm cả tài sản đầu tư, tạo lập trước và trong thời gian thế chấp) tại thửa số 59, tờ bản đồ số 05 (khu tái định cư N), tổ dân phố số 8, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng để thế chấp vay tiền cho ông D và bà L tại S - Chi nhánh L. Thửa đất có diện tích 63m^2; trên đất có một căn nhà 04 tầng, diện tích xây dựng 63m^2, diện tích sàn 252m^2. Việc thế chấp tài sản được lập thành văn bản vào ngày 27 tháng 6 năm 2014, được chứng thực tại Văn phòng Công chứng G, thành phố Hải Phòng và đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng Tài nguyên và Môi trường quận H, thành phố Hải Phòng. Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đều thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông L, bà D và vẫn giữ nguyên hiện trạng như tại thời điểm thế chấp; ông L và bà D không xây dựng thêm bất kỳ công trình nào trên đất và cũng không thực hiện bất kỳ giao dịch nào liên quan đến quyền sử dụng đất và sở hữu nhà; nhà đất không có tranh chấp với ai và không liên quan đến bất kỳ ai.

Liên quan đến yêu cầu khởi kiện của S về việc xử lý tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông L và bà D trong trường hợp ông D và bà L không thanh toán được khoản nợ; tại phiên tòa, ông Đỗ Văn L đề nghị S tạo điều kiện cho vợ chồng ông được trả dần số tiền 1.700.000.000 đồng để nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng:

1. Thửa đất số 357a, tờ bản đồ số 02, tổ dân phố số 15, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng có kích thước cụ thể như sau:

- Phía giáp hộ ông N dài 15,8m.

- Phía giáp hộ ông B dài 4,5m.

- Phía giáp hộ ông K dài 15,4m.

- Phía giáp hộ bà T dài 4,5m.

Tổng diện tích thửa đất là 70,2m^2, đảm bảo so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có một căn nhà 03 tầng, kết cấu khung cột chịu lực, tường xây gạch chỉ 220, sàn các tầng và mái đổ bê tông cốt thép tại chỗ.

2. Thửa đất số 644 (tách ra từ thửa 357b), tờ bản đồ số 02, tổ dân phố số 15, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng có kích thước cụ thể như sau:

- Phía giáp hộ ông D dài 13,4m.

- Phía giáp hộ ông B dài 4,5m.

- Phía giáp hộ ông V dài 13m.

- Phía giáp ngõ đi chung dài 4,5m.

Tổng diện tích thửa đất là 59,4m^2, đảm bảo so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có một căn nhà 03 tầng, kết cầu khung cột chịu lực, tường xây gạch chỉ 220, sàn các tầng và mái đổ bê tông cốt thép tại chỗ.

3. Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 05 (khu tái định cư N), tổ dân phố số 8, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng có kích thước cụ thể như sau:

- Phía giáp lô số 60 dài 14m.

- Phía giáp lô số 55 dài 4,5m.

- Phía giáp lô số 58 dài 14m.

- Phía giáp hè đường dài 4,5m.

Tổng diện tích thửa đất là 63m^2, đảm bảo so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có một căn nhà 04 tầng, tường chịu lực xây gạch chỉ 220, sàn mái các tầng đổ bê tông cốt thép.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Văn L đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của

pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Ngọc K, bà Lê Thị Thu H và bà Lê Thị Thu D không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết giữa S - Chi nhánh L và các bên đương sự phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Ngọc D và bà Lưu Thị Thanh L vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ông D và bà L còn nợ S số tiền nợ gốc là 2.529.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 279.968.937 đồng và số tiền lãi quá hạn là 1.958.271.622 đồng, tổng cộng là 4.767.240.559 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của S về việc buộc ông D và bà L phải thanh toán toàn bộ số tiền trên và số tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cũng như xử lý các tài sản bảo đảm trong trường hợp ông D và bà L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn là ông Trần Ngọc D và bà Lưu Thị Thanh L đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố số 15, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là ông Trần Ngọc D và bà Lưu Thị Thanh L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Ngọc K, bà Lê Thị Thu H và bà Lê Thị Thu D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Trần Ngọc D và bà Lưu Thị Thanh L phải thanh toán số tiền 4.767.240.559 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 81/2014/HĐTDTDH-CN/S.112400 ngày 27 tháng 6 năm 2014, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 02/2015/HĐTDNH-CN/S.112400 ngày 08 tháng 01 năm 2015 và Hợp

đồng tín dụng ngắn hạn số 103/2015/HĐTDNH-CN/S.112400 ngày 25 tháng 6 năm 2015 giữa S - Chi nhánh L và ông Trần Ngọc D, bà Lưu Thị Thanh L được ký kết trên cơ sở tự nguyện, chủ thể ký kết hợp đồng là những người có năng lực hành vi dân sự và có đủ thẩm quyền ký kết hợp đồng. Nội dung thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, phương thức trả nợ và việc trả nợ gốc, nợ lãi… phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Sau khi ký hợp đồng, S - Chi nhánh L đã giải ngân cho ông D và bà L tổng số tiền là 2.700.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông D và bà L đã thanh toán cho S - Chi nhánh L tổng số tiền gốc và lãi là 360.098.263 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ông D và bà L còn nợ S số tiền gốc là 2.529.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 279.968.937 đồng và số tiền lãi quá hạn là 1.958.271.622 đồng, tổng cộng là 4.767.240.559 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của S về việc buộc ông Trần Ngọc D và bà Lưu Thị Thanh L phải thanh toán số tiền 4.767.240.559 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý các tài sản bảo đảm trong trường hợp ông Trần Ngọc D và bà Lưu Thị Thanh L không thanh toán được khoản nợ, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 27 tháng 6 năm 2014 giữa S - Chi nhánh L và ông Đỗ Văn L, bà Lê Thị Thu D; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 08 tháng 01 năm 2015 giữa S - Chi nhánh L và ông Trần Ngọc D, bà Lưu Thị Thanh L; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 08 tháng 01 năm 2015 giữa S - Chi nhánh L và ông Trần Ngọc K, bà Lê Thị Thu H được ký kết trên cơ sở tự nguyện; chủ thể ký kết hợp đồng là người có năng lực hành vi dân sự và đủ thẩm quyền ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật. Nội dung của các hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Tài sản thế chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Việc thế chấp được lập thành văn bản, được chứng thực tại Văn phòng Công chứng G, thành phố Hải Phòng và được đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng Tài nguyên và Môi trường quận H, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, các hợp đồng trên có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 343 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 130 Luật Đất đai năm 2003 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2010); các điều 167, 168, 188 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 91 của Luật Nhà ở năm 2005 và yêu cầu khởi kiện của S về việc xử lý các tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên trong trường hợp ông D và bà L không thanh toán được khoản nợ cho S là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận; vì vậy bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 233, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 122, 124, 167, 323, 342, 343 và 715 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 16 Điều 4, Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 130 của Luật Đất đai năm 2003 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2010);

Các điều 167, 168 và 188 của Luật Đất đai năm 2013;

Điều 91 của Luật Nhà ở năm 2005;

Điều 4 và Điều 10 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc ông Trần Ngọc D và bà Lưu Thị Thanh L phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc là 2.529.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 279.968.937 đồng và số tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.958.271.622 đồng, tổng cộng là 4.767.240.559 đồng (bốn tỷ bảy trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi nghìn năm trăm năm mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Ngọc D và bà Lưu Thị Thanh L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì lãi suất mà ông Trần Ngọc D và bà Lưu Thị Thanh L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo quyết định của Tòa án

cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Trường hợp ông Trần Ngọc D và bà Lưu Thị Thanh L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa số 59, tờ bản đồ số 05 (khu tái định cư N), tổ dân phố số 8, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 165274, vào sổ số CH01639 do Ủy ban nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng cấp ngày 24 tháng 02 năm 2011 cho ông Đỗ Văn L và bà Lê Thị Thu D.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa số 357a, tờ bản đồ số 02, tổ dân phố số 15, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 241043, vào sổ số CH02919 do Ủy ban nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng cấp ngày 01 tháng 12 năm 2011 cho ông Trần Ngọc D và bà Lưu Thị Thanh L.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa số 644 (tách ra từ thửa 357b), tờ bản đồ số 02, tổ dân phố số 15, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 285500, vào sổ số CH05544 do Ủy ban nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng cấp ngày 27 tháng 6 năm 2014 cho ông Trần Ngọc K và bà Lê Thị Thu H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Ngọc D và bà Lưu Thị Thanh L phải nộp 112.767.240 đồng (một trăm mười hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 56.270.000 đồng (năm mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng) - tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0017881 ngày 07 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Bích Diệp